

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BUÔN ĐƠN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 07/2025/DS-ST

Ngày: 22/5/2025

“V/v: Tranh chấp về thừa kế tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BUÔN ĐƠN, TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hối

Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Y Ngọc Ê Ban.

2. Bà Trần Thị Mai Thu.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Phan Như Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về việc “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*” thụ lý số: 30/2024/TLST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2024/QĐXX-DS ngày 17 tháng 10 năm 2024, quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024 ngày 07/11/2024, quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2024 ngày 25/11/2024, quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án số 01/2024 ngày 19/12/2024, quyết định tiếp tục giải quyết vụ án số 01/ 2025 ngày 22/4/2025, quyết định hoãn phiên tòa số 02/2025 ngày 09/5/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Văn Ch, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Buôn N 1, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk(có mặt).

Đại diện theo uỷ quyền:

- Ông Nguyễn Đình C, sinh năm 1981.

Địa chỉ: 34/12 N T, phường E, Tp.B, tỉnh Đắk Lắk(có mặt).

- Ông Đào Đình H, sinh năm 1947.

Địa chỉ: Thôn H, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk(có mặt).

Bị đơn: Bà Trần Thị V, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Thôn H 2, xã E, huyện B tỉnh Đắk Lắk(vắng mặt).

Đại diện theo uỷ quyền: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Thôn 10, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk(vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phạm Thị H– sinh năm 1958.

Địa chỉ: Thôn V, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình(vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị M– sinh năm 1946.

Địa chỉ: Thôn H, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk(có mặt).

3. Bà Phạm Thị D- sinh năm 1954.

Địa chỉ: Thôn H A, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk(có mặt).

4. Bà Phạm Thị Qu- sinh năm 1950.

Địa chỉ: Thôn 12, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk(có mặt).

5. Ông Phạm Văn L (đã chết).

Người thừa kế:

+ Bà Trần Thị V, sinh năm 1954

Địa chỉ: Thôn H 2, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk(vắng mặt).

+Bà Phạm Thị H, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Thôn 10, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk(vắng mặt)

+ Ông Phạm Văn T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn H, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk(vắng mặt)

+ Bà Phạm Thị H, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn H 2, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk(vắng mặt)

+ Bà Phạm Thị Ng, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn H 2, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk(vắng mặt)

+ Ông Phạm Văn H, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn H 2, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk(vắng mặt).

Người được bà Trần Thị V, ông Phạm Văn T, bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị Ng, ông Phạm Văn H ủy quyền: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Thôn 10, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk(vắng mặt).

6. Ông Phạm Văn H, sinh năm 1964 (đã chết).

Địa chỉ: Thôn H, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Người thừa kế:

+ Ông Phạm Văn Ph, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn H, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk(vắng mặt).

+ Ông Phạm Văn Qu, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn H, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk(vắng mặt).

+ Ông Phạm Văn S, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Thôn H, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk(vắng mặt).

+ Ông Phạm Hồng Ph, sinh năm 2004.

Địa chỉ: Thôn H, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk(vắng mặt).

7. Ông Phạm Văn Tr, sinh năm 1956(đã chết).

Địa chỉ: Thôn H, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Người thừa kế:

+ Bà Phạm Thị T, sinh năm 1979.

Nơi cư trú: khu phố M, phường M, thị xã Ph, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.(vắng mặt).

+ Ông Phạm Văn T, sinh năm 1981.

Nơi cư trú: khu phố M, phường M, thị xã Ph, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu(vắng mặt).

+ Ông Phạm Văn T, sinh năm 1983.

Nơi cư trú: Số nhà 107/16, tổ 16 khu phố T, T B, Thành phố, tỉnh Bình Dương.(vắng mặt).

+ Bà Phạm Thị Th, sinh năm 1984.

Nơi cư trú: Tổ 2, khu phố Tr, phường H, thị xã Ph, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu(vắng mặt).

+ Bà Phạm Thị Th, sinh năm 1987.

Nơi cư trú: Số nhà 107/16, tổ 16 khu phố T, T B, Thành phố D, tỉnh Bình Dương(vắng mặt).

+ Bà Phạm Thị Thanh Th, sinh năm 1989.

Nơi cư trú: Khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương(vắng mặt).

Người được bà Phạm Thị T, ông Phạm Văn T, ông Phạm Văn T, bà Phạm Thị Th, bà Phạm Thị Th, bà Phạm Thị Thanh Th ủy quyền: ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1998.

Nơi cư trú: Thôn 11, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk(có mặt).

8. Ban tự quản Thôn H, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện: Ông Nguyễn Viết T, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Thôn H, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phạm Văn Ch trình bày:

Bố ông là Phạm Văn T và mẹ là Trần Thị B là vợ chồng; Quá trình chung sống bố mẹ ông sinh được các con gồm ông (Phạm Văn Ch), ông Phạm Văn L (đã chết), ông Phạm Văn Tr (đã chết năm 2021), ông Phạm Văn H (đã chết), bà Nguyễn Thị M, bà Phạm Thị D, bà Phạm Thị Qu, bà Phạm Thị H.

Năm 1980, bố mẹ ông vào sinh sống tại thôn H, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk và có khai hoang và nhận chuyển nhượng được 6.160 m² đất trồng cà phê. Trong quá trình sử dụng, bố mẹ ông sử dụng, làm nhà ở ổn định, các con lập gia đình và có đất sử dụng riêng. Năm 1998, mẹ ông chết, năm 1999 bố ông chết và không để lại di chúc. Sau khi bố mẹ ông chết vì muốn để lại diện tích đất này làm nhà từ đường nên năm 2012 đại diện anh chị em trong gia đình ông đã liên hệ để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phát hiện diện tích đất bố mẹ ông khai hoang, quản lý, sử dụng từ năm 1980 đã được Ủy ban nhân dân huyện Buôn Đôn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Phạm Văn L. Do đó, các anh chị em ủy quyền cho ông làm đơn khiếu nại đến UBND huyện B.

Trong quá trình giải quyết khiếu nại, Thanh tra huyện B đã tiến hành xác minh và xác định diện tích đất tại các thửa 361, 360, 355a, 359 và thửa số 378a, tờ bản đồ số 37 đã được UBND huyện Buôn Đôn cấp cho hộ ông Phạm Văn L (con trai cả) là của bố mẹ ông. Việc UBND huyện B cấp quyền sử dụng đất của bố mẹ ông cho hộ ông Phạm Văn L theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 975654 và AC 975661 khi không có văn bản tặng cho, chuyển nhượng của bố mẹ ông hoặc di

chức của bố mẹ ông và di sản của bố mẹ ông chết chưa được phân chia thừa kế là trái quy định của pháp luật.

Ngày 21/8/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã xét xử sơ thẩm tại Bản án hành chính sơ thẩm số 124/2023/HC-ST. Bản án đã tuyên: “Huỷ Quyết định số 4524/QĐ-UBND ngày 08/9/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn Ch” - Bản án đã có hiệu lực pháp luật.

Đồng thời, ngày 25/7/2023 Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Đà Nẵng đã ban hành Văn bản số 32/KN-VKS-HC gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc Kiến nghị khắc phục, phòng ngừa vi phạm pháp luật – Kiến nghị UBND huyện B xem xét thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 975654, thửa đất số 361, tờ bản đồ số 37, diện tích 3.957m² và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 975661, thửa đất số 387a, tờ bản đồ số 37, diện tích 2.194m² mang tên ông Phạm Văn L, bà Trần Thị V.

Từ bản án hành chính đã có hiệu lực pháp luật và văn bản kiến nghị của Viện kiểm sát nêu trên đã khẳng định di sản do bố mẹ ông chết để lại chưa được phân chia thừa kế và việc Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là di sản của bố mẹ ông cho ông L, bà V là trái quy định của pháp luật.

Hiện nay, bà Trần Thị V và các con của bà V gồm bà Phạm Thị H, ông Phạm Văn T, bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị Ng, ông Phạm Văn H đang trực tiếp quản lý, sử dụng di sản của bố mẹ ông mà không đồng ý phân chia cho các hàng thừa kế.

Vì vậy, để phân chia di sản thừa kế của bố mẹ ông theo quy định của pháp luật, nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Phân chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất gồm ông (Phạm Văn Ch), ông Phạm Văn L (đã chết), ông Phạm Văn Tr (đã chết năm 2021), ông Phạm Văn H (đã chết), bà Nguyễn Thị M, bà Phạm Thị D, bà Phạm Thị Qu, bà Phạm Thị H đối với tài sản gồm:

- Quyền sử dụng đất số AC 975654, thửa đất số 361, tờ bản đồ số 37, diện tích 3.957m². Đất tọa lạc tại Thôn H, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

- Quyền sử dụng đất số AC 975661, thửa đất số 387a, tờ bản đồ số 37, diện tích 2.194m². Đất tọa lạc tại Thôn H, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Đối với thửa số 5: diện tích 229,1m² có vị trí tứ cận:

Đông giáp đường bê tông dài 12,11m.

Tây giáp thửa 169 dài 1,99m.

Nam giáp đường bê tông dài 35,06m.

Bắc giáp thửa số 4 dài 28,7m.

Do thửa đất hẹp hình tam giác giá trị sử dụng thấp, ông đề nghị áp dụng tính giá theo giá nhà nước là 16.495.200 đồng (mười sáu triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn hai trăm đồng).

Đối với thửa đất số 04 diện tích 297,1m² có vị trí tứ cận:

Đông giáp đường bê tông dài 11,19m.

Tây giáp thửa 169 dài 11,01m.

Nam giáp thửa số 5 dài 28,7m.

Bắc giáp thửa số 3 dài 26,37m.

Giá 594.200.000 đồng (năm trăm chín mươi tư triệu hai trăm nghìn đồng).

Ông L, bà V đã sang nhượng cho Ban tự quản thôn H, xã E, huyện B, hiện đã xây dựng Hội trường Thôn, ông đề nghị tính giá trị để chia di sản thừa kế.

Đôi với thửa số 3: Diện tích 245,7m² có vị trí tứ cận:

Đông giáp đường bê tông dài 12,19m.

Tây giáp thửa 169 dài 6,82m.

Nam giáp thửa số 4 dài 26,37m.

Bắc giáp thửa số 2 dài 25,58 m.

Giá 491.000.000 đồng (bốn trăm chín mươi một triệu đồng).

Hiện anh Phạm Văn T đang ở, ông đề nghị tính giá trị để chia di sản thừa kế.

Sau khi xác định di sản thừa kế ông đề nghị giao cho ông các mảnh đất còn lại, ông sẽ bù tiền cho những người thừa kế theo kỹ phần.

Đối với những cây trồng mà anh Phạm Văn T trồng trên mảnh đất thứ nhất, ông chấp nhận sẽ đền bù giá trị cây trồng trên đất cho anh Phạm Văn T gồm:

27 cây chanh năm 2019 giá 3.739.500 đồng.

09 cây me năm 2019 giá 3.444.300 đồng.

03 cây bưởi năm 2019 giá 2.880.000 đồng

Tổng cộng ông Phạm Văn Ch phải thanh toán cho ông Phạm Văn T là: 10.063.800 đồng.

(trừ 01 cây đa trồng năm 2012 trị giá 159.000 đồng ông cho rằng do ông trồng).

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Phạm Thị H trình bày:

- Năm 1979 mẹ bà lấy chồng là ông Phạm Văn L. Năm 1980 sau khi lấy chồng mẹ bà sống chung với bố mẹ chồng là ông Phạm Văn T và Bà Trần Thị B, đến năm 1981 mẹ bà theo chồng và gia đình chồng vào Thôn H 2 xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk sinh sống và cùng bố mẹ chồng và bà Phạm Thị Qu, ông Phạm Văn Ch, ông Phạm Văn H. Sau đó đến ông Phạm Văn Tr, bà Phạm Thị D vào sinh sống cùng. Lúc đó các em chồng của mẹ bà còn nhỏ chưa có khả năng lao động. Bố mẹ bà cùng ông bà khai hoang được nhiều lô đất sau đó lần lượt cho các con khi ra ở riêng.

Tất cả mọi người khi vào ở cùng với ông bà nội bà (ông Phạm Văn T, Bà Trần Thị B)

Đến năm 1982 ông Phạm Văn Tr ra ở riêng, ông bà cho 3 sào đất (đất ở chỗ khác không phải ở lô đất tranh chấp này)

Năm 1982 bà Phạm Thị D ra ở riêng ông bà cho 3 sào đất (đất ở chỗ khác không phải ở lô đất tranh chấp này)

Năm 1984 ông Phạm Văn Ch ra ở riêng ông bà cho 5 sào đất (đất ở chỗ khác không phải ở lô đất tranh chấp này)

- Năm 1992 ông Phạm Văn H lấy vợ ra ở riêng ông bà cho 6 sào đất (đất ở chỗ khác không phải ở lô đất tranh chấp này)

- Sau khi ông H ra ở riêng ông bà nội bà giao toàn bộ lô đất (Lô đất đang tranh chấp) cho bố bà là ông Phạm Văn L sử dụng cho đến năm 1998 bà Báu mất, năm 1999 ông T mất không để lại di chúc.

- Ngay sau đó gia đình họp bàn việc đám ma ông T và phân chia tài sản (lô đất này và 4 sào cà phê. Tất cả anh, chị, em đều thống nhất giao toàn bộ lô đất của ông bà (lô đất đang tranh chấp chia tài sản thừa kế) cho bố bà là ông Phạm Văn L (Trưởng nam) lo việc cúng giỗ , 4 sào cà phê cho ông H (sau này lo việc cải 2 cải mộ của ông, bà nội bà) có biên bản và chữ ký đồng ý của Bác, Cô, Chú ruột tôi (là em của Bố bà) là ông: Phạm Văn Ch, Phạm Văn H, Phạm Văn Tr, Phạm Thị D, bà L (vợ ông Ch) ông Ch (Chồng bà D).

Ngày sau khi ông H là con út ra ở riêng năm 1992 bố mẹ bà và các con đã canh tác trên mảnh đất này, đồng thời nuôi ông bà nội bà lúc đó ông nội bà bị tai biến nằm liệt một chỗ , bà nội gây chân đau ốm thường xuyên, mọi việc nuôi dưỡng chăm sóc ông bà nội đều do bố mẹ và chị em bà chăm sóc.

Bố mẹ bà canh tác lô đất này từ năm 1992 Đến năm 1997 khi có chủ trương của Nhà nước V/v cấp Giấy CNQSD đất nên bố mẹ bà đã đăng ký kê khai xin cấp Giấy CNQSD đất (lúc này thì ông bà nội bà là ông Trưởng và bà Báu đều đang còn sống, ông bà đều biết việc bố mẹ bà đi kê khai xin cấp Giấy CNQSD đất đối với các lô đất trên nhưng không có ý kiến gì, đều đồng ý) .

Đến ngày 14/7/1999 bố bà ông Phạm Văn L làm đơn đề nghị được nhận Giấy CNQSD đất, nhưng do khi biết được bị mất Giấy CNQSD đất thì bố bà đã làm đơn xin được cấp lại Giấy CNQSD đất. Đến năm 2005 thì UBND huyện B lại cấp mới Giấy CNQSD đất cho bố, mẹ bà và sử dụng cho đến nay.

Năm 2007 bố bà ông Phạm Văn L có bán đất 11m ngang cho Ban tự quản thôn H (Làm giấy tờ bán đất ở trong nhà bà Phạm Thị D) ngay sau đó xây phòng học mẫu giáo Sơn Ca đang hiện nay bàn giao làm hội trường BTQ thôn Hòa An.

Năm 1997 bà D có đưa người ở Q – K lên hỏi mua lô đất này, năm 2003 ông Ch hỏi mua lô đất này để làm trang trại gà nhưng Bố mẹ bà không bán.

Năm 1998 em trai bà Phạm Văn T xây nhà cấp 4 trên lô đất này ở cho đến nay.

Từ năm 1992 đến năm 1999 Bố mẹ bà nuôi dưỡng chăm sóc ông, bà nội mất rất nhiều công sức và tiền bạc. Cụ thể như sau:

Tiền nuôi dưỡng chăm sóc ông nội 7 năm x 360 ngày = 2520 ngày x 100.000đ/ ngày = 252.000.000đ. (Hai trăm năm mươi hai triệu đồng)

Bà nội 6 năm x 360 ngày = 2160 x 100.000đ/ ngày = 216.000.000đ (hai trăm mười sáu triệu đồng)

Tiền thuốc ốm đau , nằm viện dài ngày: 180.000.000đ

Tiền công chăm sóc tu bổ đất , mức 800m² ao hết 200.000.000đ.

Năm 2008 bố mẹ bà cho em trai bà là Phạm Văn T lô đất này . Em trai bà xây nhà cấp 4 với diện tích 60m² Với tổng số tiền là 180,000.000đ (một trăm tám mươi triệu đồng). khoan giếng sâu 80 m hết 20.000.000đ. xây chuồng nuôi thỏ 60m² với số tiền 80.000.000đ. rào gần 50m hàng rào B40 hết 20.000.000đ

Năm 2009 em trai bà trồng 100 cây cà phê , 10 cây bơ đến năm 2015 đã được thu hoạch. Đến ngày 06 tháng 12 năm 2015 ông Chiến tự ý phân chia tài sản và cho các cháu gồm: Nguyễn Văn H (Con trai bà D) : Đ R (con rể ông Ch) Th (con trai bà Qu) và S (con trai ông H) cầm dao, rựa chặt phá hết cây Cà phê và cây Bơ của gia đình em trai bà (Công an huyện buôn đôn có về làm việc tại hiện trường), làm cho e trai bà đến nay không có thu nhập.

Trên đất hiện chỉ còn trồng cây: Muồng , điều , chanh, cây lựu, cây bưởi, vú sữa hoàng kim, cau, me...

Bà không chấp nhận bà Nguyễn Thị M sinh năm 1946, CCCD số 035146002752 do cục cảnh sát quản lý hành chính và trật tự xã hội cấp, địa chỉ thôn H, xã E, huyện B là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án này vì: Bà Mùi không phải con ruột của ông nội bà (ông Phạm Văn T.và Bà Trần Thị B). Bà Nguyễn Thị M là con của ông Nguyễn Văn H sinh năm 1912 chết ngày 11/3/1975 theo trích lục khai tử số 1660/TLKT-BS do UBND phường T, TP B cấp ngày 28/12/2021 và mẹ là Phạm Thị S sinh năm 1919 chết ngày 11/3/1975 theo trích lục khai tử số 1661/TLKT-BS do UBND phường tự an TP B cấp ngày 28/12/2021. Tại văn phòng công chứng Đ số 252 L, TP B, tỉnh Đắk Lắk bà M đã tham gia phân chia di sản thừa kế và phân chia quyền sử dụng chung với tư cách là quan hệ với người để lại tài sản thừa kế là con đẻ của ông Nguyễn Văn H và bà Phạm Thị S. Một người không thể có tư cách tham gia phân chia tài sản với tư cách là con của 2 vụ án khác nhau đều với tư cách là con. Bà khẳng định bà M không phải là con của ông nội bà và chính vì thế bà yêu cầu tòa án xem xét về việc đưa bà M ra khỏi danh sách những người có quyền và nghĩa vụ liên quan đến vụ án này.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn T, người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị T, ông Phạm Văn T, ông Phạm Văn T, bà Phạm Thị Th, bà Phạm Thị Th, bà Phạm Thị Thanh Th phát biểu:

Ông không có ý kiến gì và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ kiện theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản xem xét ngày 05/7/2025 và biên bản xem xét thẩm định tại chỗ bổ sung ngày 11/2/2025, biên bản định giá ngày 22/8/2024 và biên bản định giá bổ sung ngày 04/4/2025 đã xác định:

* Thừa đất số 37(nay là thửa đất 168+175, tờ bản đồ số 160) tại thôn Hòa An, xã Ea Nuôl, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk, thửa đất trên được chia làm 05 thửa nhỏ:

- + Thửa thứ nhất: diện tích 822,4m² có vị trí tứ cận:
Đông giáp đường bê tông dài 35,41m.
Tây giáp thửa 169 dài 31,30m.
Nam giáp thửa 2 dài 26,25m.

Bắc 21,84m.
 Có giá là 1.644.800.000 đồng (một tỷ sáu trăm bốn mươi bốn triệu tám trăm nghìn đồng).
 + Thửa số 2: diện tích 317m² có vị trí tứ cận:
 Đông giáp đường bê tông dài 12,05m.
 Tây giáp thửa 169 dài 13,12m.
 Nam giáp thửa số 3 dài 25,58m.
 Bắc giáp thửa số 1 dài 26,25m.
 Giá 634.000.000 đồng (sáu trăm ba mươi tư triệu đồng) trên đất có nhà từ đường diện tích 83,3m² .
 + Thửa số 3: Diện tích 245,7m² có vị trí tứ cận:
 Đông giáp đường bê tông dài 12,19m.
 Tây giáp thửa 169 dài 6,82m.
 Nam giáp thửa số 4 dài 26,37m.
 Bắc giáp thửa số 2 dài 25,58 m.
 Giá 491.000.000 đồng (bốn trăm chín mươi một triệu đồng).
 + Thửa số 4: Diện tích 297,1m² có vị trí tứ cận:
 Đông giáp đường bê tông dài 11,19m.
 Tây giáp thửa 169 dài 11,01m.
 Nam giáp thửa số 5 dài 28,7m.
 Bắc giáp thửa số 3 dài 26,37m.
 Giá 594.200.000 đồng (năm trăm chín mươi tư triệu hai trăm nghìn đồng).
 + Thửa số 5: diện tích 229,1m² có vị trí tứ cận:
 Đông giáp đường bê tông dài 12,11m.
 Tây giáp thửa 169 dài 1,99m.
 Nam giáp đường bê tông dài 35,06m.
 Bắc giáp thửa số 4 dài 28,7m.
 Giá 16.495.200 đồng (mười sáu triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn hai trăm đồng).
 -Thửa 361 tờ bản đồ số 37 (nay là thửa 174 tờ bản đồ số 105). Diện tích 1.949,9m² có vị trí tứ cận:
 Đông dài 35,86m.
 Tây giáp đường bê tông dài 48,43m.
 Nam giáp thửa 170 dài 65,16m.
 Bắc giáp thửa 175 dài 50,02m.
 Giá: 2.590.000.000 đồng (hai tỷ năm trăm chín mươi triệu đồng).
 *Thửa đất số 361 tờ bản đồ số 37 (nay là thửa đất số 174, tờ bản đồ số 105) tại thôn Hòa An, xã Ea Nuôl, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk. Diện tích 1.949,9m² có vị trí tứ cận:
 Đông dài 35,86m.
 Tây giáp đường bê tông dài 48,43m.
 Nam giáp thửa 170 dài 65,16m.

Bắc giáp thửa 175 dài 50,02m.

Giá: 2.590.000.000 đồng (hai tỷ năm trăm chín mươi triệu đồng).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện Buôn Đôn phát biểu như sau:

- *Về tố tụng:* Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với đương sự (nguyên đơn, bị đơn và những người tham gia tố tụng khác): Đối với nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

- *Về nội dung:* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn không phát biểu ý kiến về nội dung vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Phạm Văn Ch khởi kiện bị đơn là bà Trần Thị V có địa chỉ tại thôn H 2, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. Di sản thừa kế nằm tại Thôn H, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a,c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn ông Phạm Văn Ch khởi kiện bị đơn là bà Trần Thị V yêu cầu phân chia di sản thừa kế. Do vậy, xác định đây là tranh chấp dân sự về việc tranh chấp về thừa kế tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 5 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn Ch về việc: chia tài sản thừa kế đối với tài sản gồm:

- Quyền sử dụng đất số AC 975654, thửa đất số 361, tờ bản đồ số 37, diện tích 3.957m². Đất tọa lạc tại Thôn H, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

- Quyền sử dụng đất số AC 975661, thửa đất số 387a, tờ bản đồ số 37, diện tích 2.194m². Đất tọa lạc tại Thôn H, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Phân chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất nêu trên cho theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Sinh thời, vợ chồng ông Phạm Văn T và bà Trần Thị B có tạo lập được tài sản chung là quyền sử dụng đất số AC 975654, thửa đất số 361, tờ bản đồ số 37, diện tích 3.957m² và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 975661, thửa đất số 387a, tờ bản đồ số 37, diện tích 2.194m². Tuy nhiên sau khi ông Trương bà Báu chết thì ông Phạm Văn L, bà Trần Thị V đã làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất nói trên.

Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn Ch xác định tài sản trên là di sản thừa kế để phân chia theo quy định của pháp luật.

[3.2] Vợ chồng ông Phạm Văn T và bà Trần Thị B có những người con chung xét theo hàng thừa kế thứ nhất gồm:

- Ông Phạm Văn L (đã chết), những người thừa kế gồm: Bà Trần Thị V, bà Phạm Thị H, ông Phạm Văn T, bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị Ng và ông Phạm Văn H.

- Ông Phạm Văn Ch.

- Ông Phạm Văn Tr (đã chết), những người thừa kế gồm: Bà Phạm Thị T, ông Phạm Văn T, ông Phạm Văn T, bà Phạm Thị Th, bà Phạm Thị Th, bà Phạm Thị Thanh Th.

- Ông Phạm Văn H (đã chết), những người thừa kế gồm: Ông Phạm Văn Ph, ông Phạm Văn Qu, ông Phạm Văn Sa, Ông Phạm Hồng Ph.

- Bà Nguyễn Thị M.

- Bà Phạm Thị D.

- Bà Phạm Thị Q.

- Bà Phạm Thị H.

Đối với bà Nguyễn Thị M bà Phạm Thị H cho rằng không đồng ý bà M là người được hưởng thừa kế vì cho rằng bà M không phải là con đẻ của ông Phạm Văn T, và bà Trần Thị B. Tuy nhiên có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã E, huyện B, bà Nguyễn Thị M là con nuôi của ông Phạm Văn T bà Trần Thị B. Ngoài ra những người thừa kế khác đều công nhận sự việc trên và không có ý kiến phản đối nên không thể chấp nhận đề nghị của bà Phạm Thị H.

[3.3] Ông Phạm Văn T và bà Trần Thị B không để lại di chúc. Đây là thời điểm mở thừa kế theo quy định tại Điều 611 Bộ luật dân sự.

Di sản thừa kế của ông Phạm Văn T và bà Trần Thị B để lại gồm: quyền sử dụng đất số AC 975654, thửa đất số 361, tờ bản đồ số 37, diện tích 3.957m² và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 975661, thửa đất số 387a, tờ bản đồ số 37, diện tích 2.194m²

[3.4] Xét ý kiến của nguyên đơn và các đương sự khác về việc xem xét công sức đóng góp của gia đình bà Trần Thị V, Hội đồng xét xử xét thấy là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử xét xử chấp nhận công sức đóng góp cho gia đình bà Trần Thị V tương đương 01 kỷ phần trong khối di sản của ông Phạm Văn T và bà Trần Thị B để lại.

[3.5] Từ những phân tích nêu trên và căn cứ vào biên bản định giá tài sản của Hội đồng định giá, Hội đồng xét xử xác định: Di sản thừa kế của ông Phạm Văn T và bà Trần Thị B để lại là:

- Thửa đất số 387a, tờ bản đồ số 37 (nay là thửa số 168+175 tờ bản đồ số 160)

Được chia làm 5 thửa nhỏ như sau:

+ Thửa thứ nhất: diện tích 822,4m² có vị trí tứ cận:

Đông giáp đường bê tông dài 35,41m.

Tây giáp thửa 169 dài 31,30m.
 Nam giáp thửa 2 dài 26,25m.
 Bắc 21,84m.
 Có giá là 1.644.800.000 đồng (một tỷ sáu trăm bốn mươi bốn triệu tám trăm nghìn đồng).
 + Thửa số 2: diện tích 317m² có vị trí tứ cận:
 Đông giáp đường bê tông dài 12,05m.
 Tây giáp thửa 169 dài 13,12m.
 Nam giáp thửa số 3 dài 25,58m.
 Bắc giáp thửa số 1 dài 26,25m.
 Giá 634.000.000 đồng (sáu trăm ba mươi tư triệu đồng) trên đất có nhà từ đường diện tích 83,3m² .
 + Thửa số 3: Diện tích 245,7m² có vị trí tứ cận:
 Đông giáp đường bê tông dài 12,19m.
 Tây giáp thửa 169 dài 6,82m.
 Nam giáp thửa số 4 dài 26,37m.
 Bắc giáp thửa số 2 dài 25,58 m.
 Giá 491.000.000 đồng (bốn trăm chín mươi một triệu đồng).
 + Thửa số 4: Diện tích 297,1m² có vị trí tứ cận:
 Đông giáp đường bê tông dài 11,19m.
 Tây giáp thửa 169 dài 11,01m.
 Nam giáp thửa số 5 dài 28,7m.
 Bắc giáp thửa số 3 dài 26,37m.
 Giá 594.200.000 đồng (năm trăm chín mươi tư triệu hai trăm nghìn đồng).
 +Thửa số 5: diện tích 229,1m² có vị trí tứ cận:
 Đông giáp đường bê tông dài 12,11m.
 Tây giáp thửa 169 dài 1,99m.
 Nam giáp đường bê tông dài 35,06m.
 Bắc giáp thửa số 4 dài 28,7m.
 Giá 16.495.200 đồng (mười sáu triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn hai trăm đồng).
 -Thửa 361 tờ bản đồ số 37 (nay là thửa 174 tờ bản đồ số 105). Diện tích 1.949,9m² có vị trí tứ cận:
 Đông dài 35,86m.
 Tây giáp đường bê tông dài 48,43m.
 Nam giáp thửa 170 dài 65,16m.
 Bắc giáp thửa 175 dài 50,02m.
 Giá: 2.590.000.000 đồng (hai tỷ năm trăm chín mươi triệu đồng).
 (Theo bản vẽ của công ty đo đạc tư vấn Nông Lâm nghiệp Đắk Lắk).

Như vậy trừ thửa đất thứ hai có xây từ đường không chia thừa kế, di sản thừa kế là giá trị tổng cộng của các thửa đất còn lại là: 4.336.295.200 đồng (bốn tỷ ba trăm ba mươi sáu triệu hai trăm chín mươi lăm nghìn hai trăm đồng).

Đối với thửa đất thứ tư gia đình bà Trần Thị V đã sang nhượng cho Ban tự quản Thôn H, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk, đã xây hội trường thôn, chỉ xem xét giá trị phần đất để tính vào di sản thừa kế.

[3.6] Hàng thừa kế thứ nhất của ông Phạm Văn T và bà Trần Thị B có 08 người. Phần công sức đóng góp của gia đình bà Trần Thị V được tính một phần. Như vậy di sản thừa kế được chia: $4.336.295.200 \text{ đồng} : 9 = 481.810.000 \text{ đồng}$ (bốn trăm tám mươi một triệu tám trăm mười nghìn.).

Như vậy gia đình bà Trần Thị V được chia 481.810.000 đồng thừa kế và được hưởng 481.810.000 tiền công sức đóng góp (tổng cộng là 963.620.000 đồng).

Như vậy ông Phạm Văn T đang ở trên Thửa số 3: Diện tích 245,7m² có vị trí tứ cận:

Đông giáp đường bê tông dài 12,19m.

Tây giáp thửa 169 dài 6,82m.

Nam giáp thửa số 4 dài 26,37m.

Bắc giáp thửa số 2 dài 25,58 m.

Giá 491.000.000 đồng (bốn trăm chín mươi một triệu đồng).

Cộng với phần đất gia đình bà Trần Thị V đã sang nhượng cho ban tự quản thôn trị giá 594.200.000 đồng.

Tổng cộng gia đình bà Trần Thị V đã có 491.000.000 đồng + 594.200.000 đồng = 1.085.200 đồng.

Như vậy gia đình bà Trần Thị V phải hoàn trả cho ông Phạm Văn Ch: $1.085.200 \text{ đồng} - 963.620.000 \text{ đồng} = 121.580.000 \text{ đồng}$ (một trăm hai mươi một triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng).

Gia đình bà Trần Thị V được sử dụng thửa đất trên và hoàn trả cho ông Phạm Văn Ch 121.580.000 đồng (một trăm hai mươi một triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng).

Ông Phạm Văn Ch được giao quản lý sử dụng các thửa đất:

+ Thửa thứ nhất: diện tích 822,4m² có vị trí tứ cận:

Đông giáp đường bê tông dài 35,41m.

Tây giáp thửa 169 dài 31,30m.

Nam giáp thửa 2 dài 26,25m.

Bắc 21,84m.

Có giá là 1.644.800.000 đồng (một tỷ sáu trăm bốn mươi bốn triệu tám trăm nghìn đồng).

+Thửa số 5: diện tích 229,1m² có vị trí tứ cận:

Đông giáp đường bê tông dài 12,11m.

Tây giáp thửa 169 dài 1,99m.

Nam giáp đường bê tông dài 35,06m.

Bắc giáp thửa số 4 dài 28,7m.

Giá 16.495.200 đồng (mười sáu triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn hai trăm đồng).
-Thửa 361 tờ bản đồ số 37 (nay là thửa 174 tờ bản đồ số 105). Diện tích 1.949,9m² có vị trí tứ cận:
Đông dài 35,86m.
Tây giáp đường bê tông dài 48,43m.
Nam giáp thửa 170 dài 65,16m.
Bắc giáp thửa 175 dài 50,02m.
Giá: 2.590.000.000 đồng (hai tỷ năm trăm chín mươi triệu đồng).

Ông Phạm Văn Ch có nghĩa vụ:

+ thanh toán cho ông Phạm Văn Ph, ông Phạm Văn S, ông Phạm Văn Qu, ông Phạm Hồng Ph (con ông Phạm Văn H) số tiền 481.810.000 đồng (bốn trăm tám mươi một triệu tám trăm mười nghìn.).

+ thanh toán cho bà Phạm Thị T, ông Phạm Văn T, ông Phạm Văn T, bà phạm Thị Th, bà Phạm Thị Th, bà Phạm Thị Thanh Th (con ông Phạm Văn Tr) số tiền 481.810.000 đồng (bốn trăm tám mươi một triệu tám trăm mười nghìn.).

+ thanh toán cho bà Nguyễn Thị M, bà Phạm Thị D bà Phạm Thị Qu, bà Phạm Thị H mỗi người 481.810.000 đồng (bốn trăm tám mươi một triệu tám trăm mười nghìn.).

Ông Phạm Văn Ch phải thanh toán cho ông Phạm Văn T các cây trồng trên thửa đất số 1:

27 cây chanh năm 2019 giá 3.739.500 đồng.

09 cây me năm 2019 giá 3.444.300 đồng.

03 cây bưởi năm 2019 giá 2.880.000 đồng

Tổng cộng ông Phạm Văn Ch phải thanh toán cho ông Phạm Văn T là: 10.063.800 đồng.

[4] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Chấp nhận việc ông Phạm Văn Ch tự nguyện chịu 6.148.000 đồng (sáu triệu một trăm bốn mươi tám nghìn đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

[5] Về án phí: Ông Phạm Văn Ch thuộc diện người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Phạm Văn Ph, ông Phạm Văn S, ông Phạm Văn Qu, ông Phạm Hồng Ph phải chịu 13.636.200 đồng (mười ba triệu sáu trăm ba mươi sáu nghìn hai trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phạm Thị T, ông Phạm Văn T, ông Phạm Văn T, bà phạm Thị Th, bà Phạm Thị Th, bà Phạm Thị Thanh Th phải chịu 13.636.200 đồng (mười ba triệu sáu trăm ba mươi sáu nghìn hai trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị M, bà Phạm Thị D bà Phạm Thị Qu, bà Phạm Thị H thuộc diện người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Trần Thị V thuộc diện người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a,c khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 162, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 616, Điều 618, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 660 Điều của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn Ch.

[1.1] Di sản thừa kế của ông Phạm Văn T và bà Trần Thị B để lại là:

-Thửa đất số 387a, tờ bản đồ số 37 (nay là thửa số 168+175 tờ bản đồ số 160) gồm:

+ Thửa thứ nhất: diện tích 822,4m² có vị trí tứ cận:

Đông giáp đường bê tông dài 35,41m.

Tây giáp thửa 169 dài 31,30m.

Nam giáp thửa 2 dài 26,25m.

Bắc 21,84m.

Có giá là 1.644.800.000 đồng (một tỷ sáu trăm bốn mươi bốn triệu tám trăm nghìn đồng).

+ Thửa số 3: Diện tích 245,7m² có vị trí tứ cận:

Đông giáp đường bê tông dài 12,19m.

Tây giáp thửa 169 dài 6,82m.

Nam giáp thửa số 4 dài 26,37m.

Bắc giáp thửa số 2 dài 25,58 m.

Giá 491.000.000 đồng (bốn trăm chín mươi một triệu đồng).

+ Thửa số 4: Diện tích 297,1m² có vị trí tứ cận:

Đông giáp đường bê tông dài 11,19m.

Tây giáp thửa 169 dài 11,01m.

Nam giáp thửa số 5 dài 28,7m.

Bắc giáp thửa số 3 dài 26,37m.

Giá 594.200.000 đồng (năm trăm chín mươi tư triệu hai trăm nghìn đồng).

+ Thửa số 5: diện tích 229,1m² có vị trí tứ cận:

Đông giáp đường bê tông dài 12,11m.

Tây giáp thửa 169 dài 1,99m.

Nam giáp đường bê tông dài 35,06m.

Bắc giáp thửa số 4 dài 28,7m.

Giá 16.495.200 đồng (mười sáu triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn hai trăm đồng).
-Thửa 361 tờ bản đồ số 37 (nay là thửa 174 tờ bản đồ số 105). Diện tích 1.949,9m² có vị trí tứ cận:
Đông dài 35,86m.
Tây giáp đường bê tông dài 48,43m.
Nam giáp thửa 170 dài 65,16m.
Bắc giáp thửa 175 dài 50,02m.
Giá: 2.590.000.000 đồng (hai tỷ năm trăm chín mươi triệu đồng).
(Theo bản vẽ của công ty đo đạc tư vấn Nông Lâm nghiệp Đắc Lắc).

Tổng giá trị là: 4.336.295.200 đồng (bốn tỷ ba trăm ba mươi sáu triệu hai trăm chín mươi lăm nghìn hai trăm đồng).

[1.2] Phân chia di sản thừa kế của ông Phạm Văn T và bà Trần Thị B theo pháp luật mỗi kỹ phần là 481.810.000 đồng (bốn trăm tám mươi một triệu tám trăm mười nghìn.).

[1.3] Ông Phạm Văn Ch được giao quản lý sử dụng các thửa đất:

+ Thửa thứ nhất: diện tích 822,4m² có vị trí tứ cận:

Đông giáp đường bê tông dài 35,41m.

Tây giáp thửa 169 dài 31,30m.

Nam giáp thửa 2 dài 26,25m.

Bắc 21,84m.

+ Thửa số 5: diện tích 229,1m² có vị trí tứ cận:

Đông giáp đường bê tông dài 12,11m.

Tây giáp thửa 169 dài 1,99m.

Nam giáp đường bê tông dài 35,06m.

Bắc giáp thửa số 4 dài 28,7m.

-Thửa 361 tờ bản đồ số 37 (nay là thửa 174 tờ bản đồ số 105). Diện tích 1.949,9m² có vị trí tứ cận:

Đông dài 35,86m.

Tây giáp đường bê tông dài 48,43m.

Nam giáp thửa 170 dài 65,16m.

Bắc giáp thửa 175 dài 50,02m.

[1.4] Ông Phạm Văn Ch có nghĩa vụ:

+ thanh toán số tiền 481.810.000 đồng (bốn trăm tám mươi một triệu tám trăm mười nghìn.) cho các ông Phạm Văn Ph, ông Phạm Văn S, ông Phạm Văn Qu, ông Phạm Hồng Ph (con ông Phạm Văn H). Chia theo phần mỗi người 120.452.500 đồng (một trăm hai mươi triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn năm trăm đồng).

+ thanh toán số tiền 481.810.000 đồng (bốn trăm tám mươi một triệu tám trăm mười nghìn.) cho bà Phạm Thị T, ông Phạm Văn T, ông Phạm Văn T, bà phạm Thị Th, bà Phạm Thị Th, bà Phạm Thị Thanh Th (con ông Phạm Văn Tr). Chia theo phần mỗi người 80.301.666 đồng (tám mươi triệu ba trăm lẻ một nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng)

+ thanh toán cho bà Nguyễn Thị M, bà Phạm Thị D bà Phạm Thị Qu, bà Phạm Thị H mỗi người 481.810.000 đồng (bốn trăm tám mươi một triệu tám trăm mười nghìn.).

Ông Phạm Văn Ch phải thanh toán cho ông Phạm Văn T các cây trồng trên thửa đất số 1:

27 cây chanh năm 2019 giá 3.739.500 đồng.

09 cây me năm 2019 giá 3.444.300 đồng.

03 cây bưởi năm 2019 giá 2.880.000 đồng

Tổng cộng ông Phạm Văn Ch phải thanh toán cho ông Phạm Văn T là: 10.063.800 đồng.

[1.5] Bà Trần Thị V, bà Phạm Thị H, ông Phạm Văn T, bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị Ng, ông Phạm Văn H được chia 481.810.000 đồng thừa kế và được hưởng 481.810.000 tiền công sức đóng góp (tổng cộng là 963.620.000 đồng).

Bà Trần Thị V, bà Phạm Thị H, ông Phạm Văn T, bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị Ng, ông Phạm Văn H được sử dụng thửa số 3: Diện tích 245,7m² có vị trí tứ cận: Đông giáp đường bê tông dài 12,19m.

Tây giáp thửa 169 dài 6,82m.

Nam giáp thửa số 4 dài 26,37m.

Bắc giáp thửa số 2 dài 25,58 m.

Giá 491.000.000 đồng (bốn trăm chín mươi một triệu đồng).

Bà Trần Thị V, bà Phạm Thị H, ông Phạm Văn T, bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị Ng, ông Phạm Văn H phải hoàn trả cho ông Phạm Văn Ch số tiền 121.580.000 đồng (một trăm hai mươi một triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng.)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[2] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Chấp nhận việc ông Phạm Văn Ch tự nguyện chịu 6.148.000 đồng (sáu triệu một trăm bốn mươi tám nghìn đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Văn Ch thuộc diện người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Phạm Văn Ph, ông Phạm Văn S, ông Phạm Văn Qu, ông Phạm Hồng Ph phải chịu 13.636.200 đồng (mười ba triệu sáu trăm ba mươi sáu nghìn hai trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phạm Thị T, ông Phạm Văn T, ông Phạm Văn T, bà phạm Thị Th, bà Phạm Thị Th, bà Phạm Thị Thanh Th phải chịu 13.636.200 đồng (mười ba triệu sáu trăm ba mươi sáu nghìn hai trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị M, bà Phạm Thị D bà Phạm Thị Qu, bà Phạm Thị H thuộc diện người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo điểm đ khoản 1 Điều

12 Nghị quyết 326 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Trần Thị V thuộc diện người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh, VKSND tỉnh;
- VKSND Huyện Buôn Đôn;
- CCTHADS Huyện Buôn Đôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Trọng Hối